

Số: 01 /2024/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 405/TTr-SNV ngày 17 tháng 11 năm 2023 và Công văn số 2488/SNV ngày 25 tháng 12 năm 2023; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 245/BC-STP ngày 31 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024 và thay thế Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (*Bộ Tư pháp*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PT-TH tỉnh;
- VPUB: PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, NC(Vi02).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY ĐỊNH

**Trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước
trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi**
(Kèm theo Quyết định số **01** /2024/QĐ-UBND
ngày **03** /01/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung trách nhiệm; đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xử lý vi phạm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong việc chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) tại cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn (dưới đây gọi chung là người đứng đầu cơ quan, đơn vị).
2. Người được giao quyền đứng đầu hoặc giao phụ trách cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này, phải chịu trách nhiệm như người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Nguyên tắc xác định trách nhiệm và xử lý vi phạm người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ CCHC

1. Nguyên tắc xác định trách nhiệm người đứng đầu:
 - a) Khi xem xét, xác định trách nhiệm của người đứng đầu để đánh giá, xếp loại, khen thưởng, hoặc xử lý kỷ luật về thực hiện nhiệm vụ CCHC phải khách quan, đúng người, đúng việc, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan, đơn vị.
 - b) Trong trường hợp người đứng đầu đã làm hết trách nhiệm và áp dụng mọi biện pháp cần thiết để phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ CCHC thì được giảm nhẹ hoặc miễn trách nhiệm.

2. Nguyên tắc xử lý vi phạm người đứng đầu:

Mọi hành vi vi phạm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ CCHC được phát hiện, phải được xử lý kịp thời. Việc xử lý kỷ luật người

đứng đầu có hành vi vi phạm, được tiến hành công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, nghiêm minh và đúng pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CCHC

Điều 4. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC:

a) Xây dựng, ban hành kế hoạch CCHC giai đoạn, hàng năm theo quy định của pháp luật, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở những định hướng, nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch cấp trên trực tiếp và tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị.

b) Triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo kế hoạch CCHC hàng năm của tỉnh, của cơ quan, đơn vị.

c) Tổ chức đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm của tỉnh, của cơ quan, đơn vị.

d) Kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở, phê bình và xử lý kỷ luật theo thẩm quyền đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

2. Về thực hiện chế độ thông tin báo cáo:

a) Thực hiện báo cáo về CCHC; về kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; về công tác theo dõi thi hành pháp luật; về phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số, bảo đảm số lượng, chất lượng, đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định.

b) Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết công tác CCHC nhằm đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị.

3. Về kiểm tra công tác CCHC:

a) Hàng năm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra công tác CCHC; xử lý kịp thời các vấn đề phát hiện qua kiểm tra và theo dõi, giám sát kết quả khắc phục những tồn tại, hạn chế sau kiểm tra.

b) Chủ động phối hợp với đoàn kiểm tra CCHC của cấp có thẩm quyền tại cơ quan, đơn vị và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, báo cáo, số liệu theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC:

a) Hàng năm ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC, chú trọng đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, nhằm kịp thời phổ

biến, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và các quy định của nhà nước về công tác CCHC đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC; kiểm tra, đôn đốc việc cập nhật các văn bản chỉ đạo, điều hành và thông tin hoạt động về CCHC của cơ quan, đơn vị trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

c) Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị tích cực hưởng ứng, tham gia đầy đủ các cuộc thi tìm hiểu về CCHC do Trung ương và tỉnh tổ chức.

5. Xác định chỉ số CCHC hàng năm:

a) Tổng hợp, nhập vào phần mềm kết quả tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC hàng năm của cơ quan, đơn vị báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Trên cơ sở kết quả xác định Chỉ số CCHC hàng năm của cấp có thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị tổ chức phân tích các tiêu chí, tiêu chí thành phần, tìm nguyên nhân, đề ra các giải pháp hữu hiệu để khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm đẩy mạnh công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị.

c) Đối với Chủ tịch UBND cấp huyện: hàng năm, triển khai xác định Chỉ số CCHC của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn quản lý, báo cáo kết quả về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, chỉ đạo.

6. Thực hiện các giải pháp về chỉ đạo, điều hành công tác CCHC: Phân công lãnh đạo, tổ chức, công chức phụ trách từng lĩnh vực CCHC đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ; bố trí kinh phí hợp lý cho công tác CCHC; động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC; gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua khen thưởng của cơ quan, đơn vị.

7. Tham mưu thực hiện hoàn thành đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương giao cho UBND tỉnh và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị.

Điều 5. Cải cách thể chế

1. Tham mưu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị đúng quy trình theo quy định của pháp luật và đảm bảo chất lượng, thời gian theo chương trình công tác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ý kiến chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

2. Hàng năm ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại cơ quan, đơn vị; xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề được phát hiện qua theo dõi theo thẩm quyền.

3. Hàng năm ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị; xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền.

Điều 6. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

1. Công tác kiểm soát TTHC:

a) Hàng năm ban hành, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC và xử lý kết quả kiểm soát TTHC tại cơ quan, đơn vị; tổ chức triển khai thực hiện giải quyết TTHC theo đúng cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định.

b) Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, đảm bảo không tham mưu ban hành TTHC trái thẩm quyền, không tự đặt ra yêu cầu, điều kiện trái pháp luật trong quá trình giải quyết TTHC.

2. Rà soát, đơn giản hóa TTHC:

a) Hàng năm ban hành và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định.

b) Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC của cơ quan, đơn vị đề trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; kiến nghị xử lý kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC theo quy định.

3. Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ:

a) Thường xuyên thông kê, cập nhật để trình công bố mới, công bố sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ TTHC khi quy định pháp luật liên quan đến TTHC có sự thay đổi; công bố danh mục TTHC theo quy định.

b) Tổ chức công khai, minh bạch, đầy đủ, chính xác, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; tại Bộ phận Một cửa và trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị. Đồng thời công khai thông báo tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, địa chỉ Email, số điện thoại của lãnh đạo theo quy định.

c) Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

4. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, theo dõi tình hình tiếp nhận và giải quyết TTHC trong nội bộ cơ quan, đơn vị để phòng ngừa, ngăn chặn các sai sót và xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức tùy tiện đặt ra những quy định trái pháp luật và các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, phiền hà trong việc tiếp nhận, giải quyết TTHC.

5. Tổ chức thực hiện giải quyết 100% TTHC thông qua Bộ phận Một cửa các cấp của cơ quan, đơn vị theo quy định; đảm bảo tỷ lệ hồ sơ TTHC ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã trong năm được giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt từ 95% trở lên.

6. Triển khai thực hiện nghiêm túc việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC của cơ quan, đơn vị.

7. Triển khai thực hiện cung cấp, tiếp nhận, xử lý và thực hiện giải pháp nâng cao chất lượng, tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến; xây dựng và thực hiện giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

8. Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức liên quan đến TTHC; theo dõi, đôn đốc quá trình xử lý phản ánh, kiến nghị đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị.

9. Theo dõi, đánh giá và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Điều 7. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

1. Tuân thủ và tổ chức thực hiện đúng các quy định của Chính phủ, của các Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh về tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị.

2. Thường xuyên rà soát, trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc. Định kỳ kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc; xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

3. Thực hiện đúng quy định của nhà nước về cơ cấu số lượng lãnh đạo; về sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc, số lượng cán bộ,

công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách của cơ quan, đơn vị.

4. Thực hiện nghiêm các quy định về phân cấp, phân quyền theo quy định của pháp luật. Định kỳ kiểm tra, đánh giá đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được phân cấp, phân quyền; xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề về phân cấp, phân quyền được phát hiện qua kiểm tra.

Điều 8. Cải cách chế độ công vụ

1. Cập nhật, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp của cơ quan, đơn vị và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện bố trí công chức, viên chức và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.

2. Thực hiện quản lý công chức, viên chức (tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển đổi vị trí công tác, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, thi nâng ngạch, thi thăng hạng...) theo đúng quy định và tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý theo quy định của Chính phủ và của UBND tỉnh.

3. Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

4. Tập trung chuẩn hóa, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo đúng quy định của Chính phủ và của tỉnh.

Điều 9. Cải cách tài chính công

1. Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách tại cơ quan, đơn vị theo đúng quy định của Nhà nước:

a) Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm đúng quy định.

b) Sử dụng kinh phí nguồn ngân sách nhà nước thực hiện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí và đúng quy định hiện hành.

c) Tổ chức thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

d) Thực hiện chế độ công khai tài chính đúng quy định.

2. Tổ chức thực hiện công tác quản lý tài chính, sử dụng tài sản công đúng quy định, bảo đảm cơ quan, đơn vị hoạt động hiệu quả. Xử lý các sai phạm về quản lý, sử dụng tài sản công sau thanh tra, kiểm tra; thực hiện đúng quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, các quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo đúng quy định.

4. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; quy chế dân chủ; chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng; chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 10. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

1. Hàng năm ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số của cơ quan, đơn vị.

2. Tập trung phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu:

a) Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định.

b) Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây.

c) Tăng tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP).

d) Tăng tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức.

2. Triển khai thực hiện kết nối, liên thông phần mềm quản lý văn bản giữa các cơ quan, đơn vị (đến cấp xã), giữa lãnh đạo và công chức, viên chức; tăng cường trao đổi văn bản, giải quyết công việc giữa các cơ quan, đơn vị trên môi trường mạng và thực hiện nghiêm chế độ bảo mật theo quy định.

3. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng cung cấp thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh thực hiện tổ chức cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình cho tổ chức, công dân. Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

Chương III

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CCHC

Điều 11. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ CCHC:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hàng năm được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ CCHC phải thực hiện đầy đủ, đạt yêu cầu các

nội dung trách nhiệm quy định tại Chương II Quy định này và kết quả Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị của năm đánh giá đạt từ 90 điểm trở lên theo Quyết định phê duyệt, công bố Chỉ số CCHC hàng năm của cấp có thẩm quyền.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ CCHC:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hàng năm được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ CCHC phải thực hiện đầy đủ, đạt yêu cầu các nội dung trách nhiệm theo quy định tại Chương II Quy định này và kết quả Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị của năm đánh giá đạt từ 80 điểm đến dưới 90 điểm theo Quyết định phê duyệt, công bố Chỉ số CCHC hàng năm của cấp có thẩm quyền.

3. Hoàn thành nhiệm vụ CCHC:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hàng năm được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ CCHC phải thực hiện đầy đủ, đạt yêu cầu các nội dung trách nhiệm theo quy định tại Chương II Quy định này và kết quả Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị của năm đánh giá đạt từ 70 điểm đến dưới 80 điểm theo Quyết định phê duyệt, công bố Chỉ số CCHC hàng năm của cấp có thẩm quyền.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ CCHC:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hàng năm bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ CCHC khi thực hiện không đầy đủ, chưa đạt yêu cầu một số nội dung trách nhiệm theo quy định tại Chương II Quy định này và kết quả Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị đạt dưới 70 điểm theo Quyết định phê duyệt, công bố Chỉ số CCHC hàng năm của cấp có thẩm quyền.

Điều 12. Thời điểm và thẩm quyền đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính

1. Thời điểm đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC:

Việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC được thực hiện hàng năm, ngay sau khi có Quyết định phê duyệt, công bố Chỉ số CCHC hàng năm của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC

a) Chủ tịch UBND tỉnh đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC của người đứng đầu các sở, ban, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

b) Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn quản lý.

Điều 13. Xử lý vi phạm đối với người đứng đầu

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị nếu vi phạm trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ CCHC theo quy định tại Chương II Quy định này thì ngoài việc bị xử lý kỷ luật theo quy định, sẽ bị xem xét điều chuyển, bố trí công tác khác đối với các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm các nội dung trách nhiệm người đứng đầu quy định tại Chương II Quy định này gây hậu quả nghiêm trọng.

b) Có 02 (hai) năm liên tiếp bị đánh giá, xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ CCHC theo Khoản 4, Điều 11 Quy định này.

2. Kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC của người đứng đầu là một trong các cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của tập thể và người đứng đầu cơ quan, đơn vị; đồng thời là một trong những tiêu chí để đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cán bộ, công chức hàng năm.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã

1. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện quy định này.

2. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện quy định này (lồng ghép trong báo cáo CCHC) định kỳ hàng năm theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu, giúp Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo, kiểm tra việc chấp hành Quy định này và hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (lồng ghép trong báo cáo cải cách hành chính).

2. Tham mưu, giúp Chủ tịch UBND tỉnh đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ CCHC của người đứng đầu sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

3. Tổng hợp và đề xuất khen thưởng những tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ CCHC theo quy định.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.